

Số: /BC-TKT

Hà Tĩnh, ngày tháng 10 năm 2025

BÁO CÁO
Tình hình kinh tế - xã hội tháng 10 và 10 tháng năm 2025
tỉnh Hà Tĩnh

Trong 10 tháng năm 2025, bộ máy chính quyền địa phương vận hành ổn định, hiệu lực và hiệu quả quản trị được nâng cao. Các dự án công nghiệp trọng điểm được duy trì đúng tiến độ, lĩnh vực du lịch - dịch vụ có nhiều khởi sắc nhờ các hoạt động quảng bá sôi nổi. Công tác giải ngân vốn đầu tư công và triển khai các dự án hạ tầng đô thị, giao thông chiến lược tiếp tục được đẩy mạnh.

Bên cạnh những kết quả đạt được, địa bàn tỉnh phải đối mặt với không ít khó khăn, đặc biệt là ảnh hưởng nặng nề từ 3 cơn bão đến sản xuất và đời sống nhân dân. Trong bối cảnh còn nhiều thách thức từ biến động giá cả và thời tiết bất thường, toàn bộ hệ thống chính trị đang nỗ lực thực hiện các chỉ tiêu đề ra, phấn đấu hoàn thành mục tiêu tăng trưởng năm 2025 và tạo nền tảng cho giai đoạn phát triển tiếp theo.

I. LĨNH VỰC KINH TẾ

1. Sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản

Sản xuất nông nghiệp trong tháng 10/2025 chủ yếu tập trung chăm sóc, thu hoạch rau màu vụ Mùa và sản xuất cây trồng vụ Đông 2025, cũng vào thời điểm này nhiều loại cây ăn quả chủ lực như bưởi, cam đang bắt đầu thu hoạch chính vụ. Hoạt động chăn nuôi đang gặp nhiều khó khăn do ảnh hưởng dịch tả lợn Châu Phi tái bùng phát làm giảm quy mô đàn và ảnh hưởng đến sản lượng. Hoạt động lâm nghiệp tập trung chăm sóc, khôi phục rừng và thu mua diện tích bị đổ gãy do bão; thủy sản tiếp tục giữ đà tăng trưởng cả ở khai thác và nuôi trồng.

1.1. Sản xuất nông nghiệp

1.1.1. Trồng trọt

Sản xuất nông nghiệp

Tổng DT vụ Mùa: **877 ha** **▼12,76%** so với cùng kỳ năm trước



Cây trồng khác (luỹ kế 10 tháng năm 2025)



*** Cây hàng năm**

Hiện nay, người dân đang tích cực triển khai kế hoạch sản xuất vụ Đông với mục tiêu phủ kín diện tích đất màu, đất vườn. Tuy nhiên, vụ Đông năm nay được dự báo sẽ đối mặt với nhiều thách thức về thời tiết, đặc biệt là mưa lũ đầu vụ và rét đậm,

rét hại cuối vụ.

Kết quả sản xuất vụ Mùa: Diễn ra trong điều kiện thời tiết nắng nóng nên một số diện tích đất không chủ động được nước tưới ảnh hưởng đến việc gieo cấy. Diện tích gieo trồng các loại cây trồng hàng năm vụ Mùa 2025 đạt 877 ha, bằng 87,24% so với cùng kỳ năm trước, chủ yếu giảm ở diện tích cây lúa. Hoạt động vụ Mùa hàng năm chủ yếu với mục đích sản xuất để làm sạch đất, tránh tình trạng mầm bệnh ủ trong đất gây ảnh hưởng đến sản xuất vụ Đông Xuân nên kết quả thường đạt thấp. Cây lúa diện tích gieo trồng ước đạt 35,72 ha, bằng 21,58% (giảm 129,8 ha) so với cùng kỳ năm trước, hiện nay trên toàn tỉnh diện tích lúa Mùa chỉ còn gieo trồng ở xã Đan Hải. Cây lấy củ có chất bột diện tích ước tính đạt 246 ha, bằng 96,13% (giảm 10 ha) so với cùng kỳ năm trước. Rau các loại diện tích gieo trồng vụ Mùa ước tính đạt 240 ha, bằng 98,25% (giảm 4 ha) so với cùng kỳ năm trước.

Sản xuất vụ Đông 2025: Thời tiết vụ Đông năm nay dự báo chịu ảnh hưởng của mưa lũ đầu vụ và rét đậm, rét hại giai đoạn cuối vụ. Vì vậy, nhân dân cần chủ động, linh hoạt trong bố trí thời vụ và cơ cấu cây trồng để né tránh thiên tai, hạn chế rủi ro và đảm bảo an toàn, hiệu quả trong sản xuất.

Về kế hoạch sản xuất năm nay, có mở rộng diện tích trồng hoa gần 30.000 m² tại một số địa phương như: Xã Toàn Lưu 25.000 m², xã Thạch Khê 2.500 m², xã Thạch Hà 500 m², xã Thạch Xuân 1.000 m². Về tổ chức sản xuất, tỉnh nhà tập trung quyết liệt lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức sản xuất vụ Đông, đảm bảo phủ kín và mở rộng tối đa diện tích có thể sản xuất, với các đối tượng cây trồng phù hợp; chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất lúa ở những vùng có điều kiện thoát nước tốt để mở rộng tối đa diện tích, tăng hệ số sử dụng đất. Trên cơ sở khung thời vụ và thời gian sinh trưởng các giống, căn cứ vào điều kiện thực tiễn của từng địa phương, từng vùng và diễn biến thời tiết, bố trí thời vụ gieo trồng phù hợp, sản xuất an toàn, hiệu quả.

*** Cây lâu năm**

Trong năm, người dân tiếp tục tập trung đầu tư thâm canh trên diện tích cây lâu năm hiện có, đồng thời triển khai trồng mới và tái canh với quy mô hợp lý, gắn với việc áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất. Công tác vệ sinh vườn, chăm sóc và phòng trừ sâu bệnh được thực hiện thường xuyên, đặc biệt là giai đoạn sau thu hoạch. Ngành chuyên môn tăng cường hướng dẫn nông dân thực hiện đúng quy trình kỹ thuật từ khâu đào hố, bón phân, trồng đến chăm sóc sau trồng; đồng thời phổ biến các biện pháp kỹ thuật tiên tiến như tạo tán, tia cành, phòng trừ dịch hại nhằm nâng cao năng suất và chất lượng vườn cây. Bên cạnh đó, các địa phương chủ động triển khai phương án bảo vệ vườn cây trong mùa mưa lũ, tiêu úng kịp thời nhằm hạn chế thiệt hại, đảm bảo sản xuất ổn định.

Từ đó các loại cây ăn quả chủ lực như cam, bưởi trong năm được cải thiện rõ rệt, sản lượng dự kiến tăng so với năm trước. Ngoài ra, các cây công nghiệp lâu năm như chè, cao su tiếp tục được chăm sóc, khai thác ổn định, mang lại nguồn thu nhập thường

xuyên, góp phần nâng cao đời sống và thúc đẩy phát triển kinh tế cho người dân.

*** Tình hình sâu bệnh, thiệt hại**

Trên cây rau: Sâu xanh, sâu khoang gây hại trên rau họ hoa thập tự trong vườn hộ và các vùng rau diện tích nhiễm 18 ha tập trung ở các địa phương như: Xã Đông Kinh, phường Thành Sen, xã Cẩm Xuyên, xã Việt Xuyên, phường Trần Phú; bệnh do nấm gây hại trên cây như cà chua, cây dưa chuột.

Trên cây ngô: Sâu keo mùa thu gây hại trên trà ngô 3-7 lá, mật độ trung bình 2-4 con/m², diện tích nhiễm 17 ha ở các xã như: Đức Thọ, Đức Thịnh, Hà Linh, Hương Khê, Sơn Giang, Sơn Tiến.

Trên các loại cây lâu năm: Bệnh nứt thân xì mù, bệnh loét, ruồi đục quả phát sinh gây hại trên các vườn cây ăn quả diện tích nhiễm 52 ha như ở: Xã Sơn Tây, Sơn Giang, Sơn Tiến, Vũ Quang, Hương Khê, Hương Trạch, Mai Hoa, Toàn Lưu.

1.1.2. Chăn nuôi

Chăn nuôi tháng 10 năm 2025

So với cùng kỳ năm trước



Kết quả sản xuất chăn nuôi: Đàn trâu hiện có 57.602 con, bằng 86,15%; đàn bò hiện có 150.936 con, bằng 91,72%; đàn lợn hiện có 332.380 con, bằng 94,34% (không bao gồm lợn con chưa tách mẹ); đàn gia cầm hiện có 10.380.000 con, bằng 100,92%, trong đó đàn gà hiện có 8.602.000 con, bằng 100,92% so với cùng kỳ năm trước. Trong tháng do ảnh hưởng của dịch bệnh trên gia súc diễn biến phức tạp, hoạt động tái đàn và mở rộng quy mô chăn nuôi của người dân gặp nhiều khó khăn. Nhiều hộ phải tạm dừng việc nhập con giống mới để tập trung khoanh vùng, xử lý ổ dịch và giảm thiểu thiệt hại. Giá lợn hơi dù vẫn ở mức tương đối cao, song tâm lý e ngại dịch bệnh khiến người chăn nuôi thận trọng, chưa đầu tư tăng đàn.

Trong bối cảnh đó, ngành chuyên môn khuyến cáo người dân tăng cường công tác phòng chống dịch, thực hiện nghiêm các biện pháp vệ sinh, tiêu độc khử trùng chuồng trại, tiêm phòng vắc-xin đầy đủ, theo dõi sát tình hình sức khỏe vật nuôi và báo ngay cho cơ quan thú y khi phát hiện dấu hiệu bất thường. Đồng thời, khuyến khích các địa phương rà soát, hỗ trợ tiêu hủy, xử lý môi trường đúng quy định, không để dịch lây lan sang các khu vực lân cận, nhằm ổn định lại sản xuất và bảo vệ nguồn cung thực phẩm trong thời gian tới.

Tình hình dịch bệnh, thiệt hại: Hiện nay, tình hình dịch bệnh trên đàn gia súc

trên địa bàn tỉnh diễn biến tương đối phức tạp, xuất hiện tại nhiều địa phương. Nguyên nhân chủ yếu do thời tiết thay đổi thất thường, độ ẩm cao tạo điều kiện thuận lợi cho mầm bệnh tồn tại và phát tán; công tác vệ sinh, tiêu độc khử trùng tại một số cơ sở chăn nuôi còn hạn chế; một số hộ chăn nuôi quy mô nhỏ lẻ, chưa thực hiện nghiêm quy trình an toàn sinh học. Ngành chuyên môn đã chỉ đạo các địa phương tăng cường giám sát dịch bệnh, tổ chức tiêm phòng, tiêu độc khử trùng định kỳ, hướng dẫn người dân áp dụng biện pháp phòng bệnh chủ động, không giấu dịch, không vứt xác động vật ra môi trường, đồng thời thực hiện nghiêm quy trình xử lý ổ dịch theo quy định, nhằm hạn chế lây lan và giảm thiểu thiệt hại cho người chăn nuôi. Tình hình dịch bệnh trong tháng 10/2025 như sau:

Dịch tả lợn Châu Phi: Xảy ra tại 49 xã làm cho 11.345 con lợn mắc bệnh, chết buộc tiêu hủy với khối lượng 857.748 kg. Lũy kế từ đầu năm đến ngày 20/10/2025 xảy ra tại 63 xã làm cho 31.124 con lợn mắc bệnh chết buộc tiêu hủy. Lở mồm long móng: Xảy ra tại 02 xã (Kỳ Lạc, Kỳ Văn) làm 28 con bò mắc bệnh, buộc tiêu hủy với khối lượng 110 kg. Lũy kế từ đầu năm đến ngày 20/10/2025 xảy ra tại 04 xã làm 44 con bò mắc bệnh, trong đó làm 02 con bò chết buộc tiêu hủy. Viêm da nổi cục: Xảy ra tại 03 xã (Sơn Tiên, Cẩm Xuyên, Cẩm Hưng) làm 3 con bò mắc bệnh, chết, buộc tiêu hủy với khối lượng 320kg. Lũy kế từ đầu năm đến ngày 20/10/2025 xảy ra tại 20 xã làm 91 con bò mắc bệnh, trong đó có 27 con bị chết.

Công tác tiêm phòng: Hiện nay các địa phương đang triển khai công tác tiêm phòng đợt 2 năm 2025 theo Kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh. Kết quả tiêm phòng đợt 2 (tính đến ngày 22/10/2025): Đàn trâu bò tiêm phòng các vắc xin đạt trên 63% kế hoạch (vắc xin Lở mồm long móng đạt 68% kế hoạch). Đàn lợn tiêm phòng các vắc xin đạt trên 48% kế hoạch (vắc xin Dịch tả đạt 48% kế hoạch). Đàn gia cầm tiêm phòng vắc xin Cúm gia cầm tiêm đạt 25% kế hoạch.

1.2. Sản xuất lâm nghiệp



Kết quả sản xuất lâm nghiệp: Tháng 10/2025 diện tích rừng trồng mới ước đạt 2.248 ha, bằng 104,61%, tăng 99 ha so với cùng kỳ năm trước; số cây lâm nghiệp

trồng phân tán ước đạt 12,92 nghìn cây, bằng 6,66% giảm 181,08 nghìn cây; sản lượng gỗ khai thác ước đạt 136.792 m³, bằng 178,97% (tăng 60.358 m³) so với cùng kỳ năm trước. Sản lượng gỗ khai thác tăng mạnh do diện tích đến kỳ khai thác nhiều hơn, năng suất rừng trồng được cải thiện và đặc biệt do ảnh hưởng của hai cơn bão số 5 và số 10 đã làm nhiều diện tích rừng bị gãy đổ, buộc người dân khai thác sớm, việc khai thác tăng cũng kéo theo việc trồng lại cây được đẩy lên sớm hơn. Về cây phân tán chủ yếu được trồng vào các dịp lễ tết và quỹ đất trồng cây phân tán trên các tuyến đường, hội quán, nhà văn hóa đã được trồng từ những năm trước đây nên lượng cây trồng phân tán có xu hướng giảm.

Tính chung 10 tháng năm 2025, diện tích rừng trồng mới ước đạt 7.292 ha, bằng 102,55%, tăng 181 ha so với cùng kỳ năm trước; số cây trồng phân tán ước đạt 1.586 nghìn cây, bằng 70,85% giảm gần 653 nghìn cây so với cùng kỳ; sản lượng gỗ khai thác ước đạt 606.062 m³ bằng 123,66%, tăng 115.946 m³ so với cùng kỳ năm trước.

Thiệt hại về rừng: Nhìn chung, hoạt động lâm nghiệp 10 tháng năm 2025 vẫn đảm bảo duy trì khá ổn định, trong tháng không phát sinh thiệt hại về rừng.

1.3. Thủy sản



Sản xuất thủy sản trong tháng 10/2025 tăng so với cùng kỳ năm trước nhưng giảm so với tháng trước, sản lượng chỉ đạt khoảng hơn 50% so với tháng trước. Nguyên nhân do thời tiết chuyển sang mùa mưa bão, biển thường xuyên động mạnh khiến tàu thuyền hạn chế ra khơi khai thác, đồng thời nguồn lợi hải sản tự nhiên giảm hơn so với tháng trước.

Kết quả sản xuất thủy sản: Tổng sản lượng thủy hải sản tháng 10/2025 ước đạt 4.436 tấn, bằng 102,21% (tăng 96 tấn). Trong đó, sản lượng khai thác ước đạt 3.282 tấn, bằng 102,82% (tăng 90 tấn) so với năm trước, chỉ tính riêng khai thác biển ước đạt 2.821 tấn, bằng 103,18% (tăng 87 tấn); Sản lượng nuôi trồng ước đạt 1.154 tấn, bằng 100,52% (tăng 6 tấn) so với cùng kỳ năm trước. Sau các cơn bão cuối năm 2025, hoạt động khai thác hải sản trên các ngư trường đã trở lại bình thường. Ngư dân tích cực ra khơi, sản lượng khai thác tăng so với thời điểm trước bão. Đối với nuôi trồng

thủy sản, người dân đã thu hoạch xong vụ Xuân Hè và hiện nay đang tiến hành thả nuôi vụ mới phục vụ Tết Nguyên Đán sắp tới.

Tính chung 10 tháng năm 2025, tổng sản lượng thủy hải sản khai thác và nuôi trồng ước đạt 54.316 tấn, bằng 104,50% (tăng 2.338 tấn) so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, sản lượng khai thác ước đạt 38.383 tấn, bằng 104,80% (tăng 1.759 tấn) và sản lượng nuôi trồng ước đạt 15.933 tấn, bằng 103,77% (tăng 579 tấn) so với cùng kỳ năm trước. Nhìn chung, hoạt động thủy sản vẫn đang mang lại nhiều tín hiệu tích cực trong nhóm ngành nông lâm nghiệp và thủy sản, giá trị thủy hải sản đang ngày được nâng cao cả về chất lượng cũng như giá trị kinh tế, cho thấy hướng đi đúng đắn trong phát triển ngành thủy sản trên địa bàn.

Tình hình dịch bệnh, thiệt hại: Trong tháng 10/2025 dịch đốm trắng trên tôm thẻ chân trắng với diện tích 1,1 ha của 01 hộ ở phường Trần Phú. Lũy kế từ đầu năm đến nay, diện tích bệnh đốm trắng bị nhiễm là 6,35 ha.

2. Sản xuất công nghiệp

Công nghiệp Hà Tĩnh trong tháng 10 năm 2025 tiếp tục phát huy hiệu quả các lợi thế tăng trưởng, đóng góp tích cực vào phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Đặc biệt, sau khi hoàn thành việc nâng công suất, nhà máy sản xuất Pack Pin VinES đã nhanh chóng đi vào vận hành ổn định với sản lượng tăng mạnh, đáp ứng tốt nhu cầu thị trường. Bên cạnh đó, nhà máy ô tô VinFast tại Hà Tĩnh tiếp tục duy trì hoạt động sản xuất, lắp ráp theo đúng tiến độ, đảm bảo hoàn thành các mục tiêu, kế hoạch đã đề ra trong năm. Bên cạnh những thuận lợi, do ảnh hưởng của bão nên nhà máy nhiệt điện Vũng Áng II đã tạm ngừng sản xuất để khắc phục sự cố làm ảnh hưởng không nhỏ tới ngành công nghiệp Hà Tĩnh những tháng cuối năm.

2.1. Chỉ số sản xuất ngành công nghiệp (IIP)

Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) 10 tháng năm 2025

So với cùng kỳ năm trước



Ước tính tháng 10/2025, chỉ số sản xuất toàn ngành giảm 0,84% so với tháng trước. So với cùng kỳ năm trước ước tăng 9,76%. Trong đó: Ngành công nghiệp khai khoáng ước tăng 4,91% so với tháng trước và giảm 24,97% so với cùng kỳ; ngành công nghiệp chế biến chế tạo ước tăng 11,26% so với tháng trước và tăng 16,98% so với cùng kỳ; ngành sản xuất và phân phối điện dự tính giảm 43,06% so với tháng trước và

giảm 19,07% so với cùng kỳ; ngành cung cấp nước và xử lý rác thải dự ước giảm 12,8% so với tháng trước và so với cùng kỳ năm trước tăng 3,16%.

So với tháng trước, nguyên nhân chính dẫn đến chỉ số toàn ngành giảm là do nhà máy nhiệt điện Vũng Áng II ngừng sản xuất khắc phục sự cố sau bão. Bên cạnh đó, do thời tiết mưa nhiều, thủy điện tăng mạnh, vì vậy sản lượng nhiệt điện than từ nhà máy nhiệt điện I cũng giảm mạnh so với tháng 9/2025. Mặt khác, các nhóm ngành như dăm gỗ, thép không gỉ đang chật vật trong việc tiêu thụ sản phẩm, các đơn hàng cũ giảm sút rõ rệt, trong khi thị trường mới chưa mở rộng kịp thời. Ngành sản xuất kim loại tiếp tục giảm, đặc biệt là thép không gỉ.

Tính chung 10 tháng năm 2025, chỉ số sản xuất ngành công nghiệp tỉnh Hà Tĩnh tăng 4,38% so với cùng kỳ năm 2024. Cụ thể: Ngành công nghiệp khai khoáng tăng 6,19% đóng góp 0,1 điểm vào mức tăng chung toàn ngành; ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 1,35% đóng góp 1,11 điểm; ngành sản xuất và phân phối điện tăng 18,73% đóng góp 3,07 điểm; ngành cung cấp nước và xử lý rác thải, nước thải tăng 3,61% đóng góp 0,1 điểm vào mức tăng chung toàn ngành công nghiệp.

Hoạt động sản xuất công nghiệp trên địa bàn ghi nhận những dấu hiệu tích cực làm tăng chỉ số sản xuất ngành công nghiệp tỉnh như: (1) Chỉ số sản xuất ngành khai khoáng khác tăng 7,6% so với cùng kỳ năm trước, nhờ tiếp nối đà tăng trưởng mạnh từ cuối năm 2024, cùng với mức tăng cao trong các tháng đầu năm 2025. (2) Nhà máy sản xuất Pack pin đã hoàn thành việc nâng công suất dây chuyền sản xuất số 1, đi vào sản xuất trong tháng 8/2025. Đồng thời, nhà máy ô tô điện VinFast bắt đầu sản xuất - kinh doanh, kéo theo nhu cầu lớn về pin và thiết bị điện, từ tháng 9, bên cạnh sản phẩm VF6, VF7, nhà máy bắt đầu sản xuất Pack Pin VF3 và các sản phẩm khác phục vụ nhu cầu thị trường ô tô điện. Dự kiến đến hết tháng 10/2025, sản lượng Pack pin đạt hơn 34.000 sản phẩm, gấp hơn 7,5 lần cùng kỳ năm trước; Cell pin đạt trên 15,5 triệu đơn vị. Chỉ số sản xuất toàn ngành duy trì ở mức cao, đóng góp tích cực vào tăng trưởng công nghiệp địa phương; (3) Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng II đưa vào vận hành một số tổ máy mới (tổ máy số 1) và Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng I duy trì hoạt động ổn định trong nhiều tháng đầu năm. Nhờ đó, chỉ số sản xuất ngành sản xuất và phân phối điện tính chung 10 tháng đầu năm tăng 18,73% so với cùng kỳ năm trước, trở thành một trong những động lực tăng trưởng quan trọng của công nghiệp tỉnh nhà.

2.2. Một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu

Trong 10 tháng năm 2025, ngành công nghiệp Hà Tĩnh tiếp tục cho thấy xu hướng phục hồi và phát triển mạnh mẽ. Trong số 20 nhóm sản phẩm công nghiệp chủ yếu được theo dõi, có 12 nhóm sản phẩm ghi nhận mức tăng sản lượng so với cùng kỳ năm trước. Trong đó: Ấc quy bằng ion lithi đạt gấp 6 lần so với cùng kỳ; thức ăn gia súc tăng 31,4%; đá xây dựng khác tăng 10,03%; sợi tăng 15,87%.

Một số sản phẩm công nghiệp 10 tháng năm 2025

So với cùng kỳ năm trước



Bên cạnh đó, một số sản phẩm công nghiệp 10 tháng năm 2025 giảm so với năm trước: Như quặng zircon và tinh quặng zircon giảm 29,9%; thép không gỉ ở dạng bán thành phẩm giảm 10,88%; vỏ bào, dăm gỗ giảm 7,84%; quặng inmenit và tinh quặng inmenit giảm 32,8%.

2.3. Tình hình sử dụng lao động của doanh nghiệp công nghiệp

Chỉ số sử dụng lao động của doanh nghiệp công nghiệp tháng 10/2025 tăng 2,32% so với tháng trước và tăng 35,0% so với cùng kỳ năm trước. Năm 2025, tình hình sử dụng lao động tại Hà Tĩnh có những biến động đáng chú ý, phản ánh sự phục hồi và chuyển dịch trong cơ cấu lao động của tỉnh. Khi các dự án, nhà máy mới đi vào hoạt động sản xuất đã góp phần tăng số lượng lao động trên địa bàn so với năm trước. Nhu cầu tuyển dụng lao động ở một số ngành như dệt may, lắp ráp linh kiện điện tử duy trì ở mức cao.

Cộng dồn đến cuối tháng 10 năm 2025, chỉ số sử dụng lao động của doanh nghiệp công nghiệp tăng 13,05% so với cùng kỳ. Trong đó, chỉ số sử dụng lao động của ngành khai khoáng giảm 6,08% so với năm trước. Một số mỏ khai thác hết trữ lượng cho phép khai thác cũng như máy móc công nghệ hiện đại thay thế sức lao động là nguyên nhân dẫn đến chỉ số sử dụng lao động ngành này ngày càng giảm. Ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 14,86% so với cùng kỳ năm trước. Hiện nay, một số doanh nghiệp công nghiệp chế biến chế tạo đi vào sản xuất kinh doanh cũng như mở rộng quy mô sản xuất để đáp ứng nhu cầu tiêu thụ sản phẩm vì vậy nguồn nhân lực tăng so với cùng kỳ. Nhà máy nhiệt điện Vũng Áng II đi vào sản xuất đóng góp vào chỉ số sử dụng lao động ngành sản xuất và phân phối điện tăng 13,58%; ngành cung cấp nước và xử lý rác thải tăng 1,61% so với cùng kỳ năm 2024.

3. Đầu tư và xây dựng

Trong thời gian qua, công tác giải ngân vốn đầu tư công tiếp tục là nhiệm vụ trọng tâm của chính quyền tỉnh Hà Tĩnh. UBND tỉnh đã xác định đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công với quyết tâm chính trị cao hơn nữa; coi đây là nhiệm vụ chính trị trọng tâm của năm 2025. Cùng với đó, năm nay UBND tỉnh Hà Tĩnh đã bổ sung

hơn 2.000 tỷ đồng vào kế hoạch vốn (theo Quyết định 917/QĐ-UBND ngày 29/4/2025), triển khai sớm hơn gần hai tháng so với năm trước, tạo dư địa giải ngân.

Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn NSNN 10 tháng năm 2025



Dự ước vốn đầu tư phát triển thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước do địa phương quản lý tháng 10/2025 đạt 1.078,38 tỷ đồng, tăng 3,11% so với tháng trước, tăng 5,54% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó: Vốn ngân sách nhà nước cấp tỉnh ước đạt 1.017,49 tỷ đồng, tăng 3,73% so với tháng trước và tăng 3,28% so với cùng kỳ năm trước; vốn ngân sách nhà nước cấp xã ước đạt 60,89 tỷ đồng, giảm 6,28% so với tháng trước và tăng 66,26% so với cùng kỳ năm trước.

Nguồn vốn đầu tư phát triển thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước do địa phương quản lý trên địa bàn tỉnh tiếp tục giữ được đà tăng trưởng với khối lượng thực hiện được duy trì ở mức cao so với tháng trước cũng như cùng kỳ năm trước. Nguyên nhân chủ yếu do các chủ đầu tư, ban quản lý dự án đang khẩn trương đẩy nhanh tiến độ triển khai, giải ngân các dự án; bám sát, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc đảm bảo giải ngân toàn bộ số vốn được giao. Các sở, ngành tiếp tục tập trung thực hiện nghiêm túc, quyết liệt các nhiệm vụ, giải pháp đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công những tháng cuối năm theo chỉ đạo của Chính phủ. Một số công trình thi công với tiến độ lớn như: Đường trục chính trung tâm nội Quốc lộ 1 đoạn tránh thị xã Kỳ Anh đến cụm Cảng nước sâu Vũng Áng - Sơn Dương; phát triển tổng hợp các đô thị động lực - Tiểu dự án đô thị Kỳ Anh; dự án Đường từ Quốc lộ 12C đi khu liên hợp gang thép Formosa, tỉnh Hà Tĩnh; đường vành đai phía Đông thành phố Hà Tĩnh.

Tính chung 10 tháng năm 2025, tổng nguồn vốn ngân sách Nhà nước do địa phương quản lý ước đạt 6.452,33 tỷ đồng, tăng 29,56% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó: Vốn ngân sách nhà nước cấp tỉnh ước đạt 6.007,46 tỷ đồng, tăng 29,13% so với cùng kỳ năm trước; vốn ngân sách nhà nước cấp xã ước đạt 444,88 tỷ đồng, tăng 35,58% so với cùng kỳ năm trước.

Nhìn chung, tình hình thực hiện vốn đầu tư công cho thấy sự cải thiện tích cực về tốc độ giải ngân, đặc biệt tác động hiệu quả của Quyết định 917/QĐ-UBND của UBND tỉnh Hà Tĩnh. Là một trong những địa phương có tỷ lệ giải ngân cao trong cả

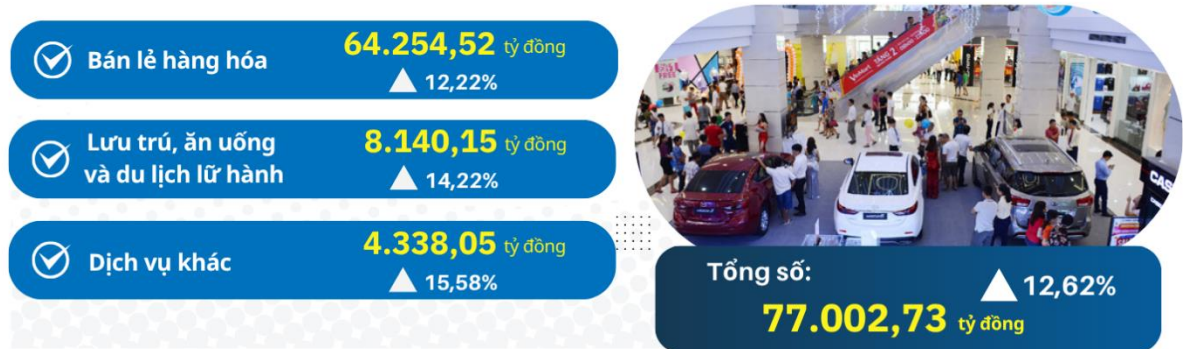
nước, Hà Tĩnh đã chứng minh hiệu quả rõ rệt trong công tác điều hành, huy động hệ thống chính trị vào cuộc, cũng như xử lý linh hoạt các vướng mắc phát sinh. Tỉnh cũng yêu cầu các ban quản lý, chủ đầu tư cam kết tiến độ giải ngân theo từng tháng, quý và chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh. Chủ động điều chỉnh phương án quản lý đầu tư công trong bối cảnh chuyển đổi mô hình chính quyền địa phương 2 cấp, bảo đảm không bị gián đoạn trong quản lý dự án.

4. Thương mại, dịch vụ

4.1. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng

Thương mại, dịch vụ 10 tháng năm 2025

So với cùng kỳ năm trước



Lĩnh vực thương mại và dịch vụ nội địa tại tỉnh Hà Tĩnh ghi nhận những tín hiệu ổn định và có đà tăng trưởng tốt. Hoạt động thương mại và dịch vụ diễn ra sôi động và tăng trưởng khá (tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng 10 tháng năm 2025 ước đạt hơn 77 nghìn tỷ, tăng 12,62% so với cùng kỳ) từ thương mại bán lẻ đến du lịch, logistics và bất động sản phản ánh hiệu quả từ chiến lược tái cơ cấu kinh tế gắn với đổi mới.

Doanh thu bán lẻ hàng hóa tháng 10/2025 ước đạt 6.648,81 tỷ đồng, tăng 1,95% so với tháng trước, tăng 11,11% so với cùng kỳ năm trước. Các nhóm hàng chủ yếu biến động tăng so với tháng trước và tăng khá so với cùng kỳ chứng tỏ sức mua vẫn tăng mạnh mẽ và niềm tin vào nền kinh tế vẫn duy trì. Đặc biệt các nhóm hàng thiết yếu chiếm tỷ trọng doanh thu cao vẫn đạt mức tăng trưởng khá như nhóm lương thực, thực phẩm chiếm 47,73% doanh thu tăng 15,48% so với cùng kỳ. Bên cạnh đó, các nhóm hàng đồ dùng, dụng cụ, trang thiết bị gia đình, vật phẩm, văn hóa, giáo dục; đá quý, kim loại quý cũng tăng trưởng mạnh trong tháng điều này cho thấy người dân đang đầu tư nhiều hơn vào chất lượng cuộc sống.

Tính chung 10 tháng năm 2025 doanh thu bán lẻ ước đạt 64.524,52 tỷ đồng, tăng 12,22% so với cùng kỳ năm trước. Việc thị trường hàng hóa ngày càng đa dạng, hệ thống phân phối được mở rộng và hiện đại hóa, từ chợ truyền thống, siêu thị, trung tâm thương mại đến các kênh thương mại điện tử, giúp người tiêu dùng có nhiều lựa chọn hơn và nâng cao tính cạnh tranh của thị trường. Một số nhóm

hàng thiết yếu như lương thực, thực phẩm, đồ gia dụng ghi nhận mức tăng khá, góp phần giữ ổn định thị trường tiêu dùng trong bối cảnh giá cả thế giới có nhiều biến động. Tuy vậy, thị trường bán lẻ vẫn chịu tác động từ yếu tố giá năng lượng, vàng và thời tiết mùa vụ, ảnh hưởng đến chi phí vận chuyển, lưu thông hàng hóa và hành vi tiêu dùng.

Dự báo càng về cuối năm thị trường bán lẻ càng sôi động, vì vậy trong thời gian tới, các ngành chức năng cần tăng cường công tác dự báo, bình ổn giá, đẩy mạnh xúc tiến thương mại và chuyển đổi số trong lĩnh vực bán lẻ, qua đó duy trì đà tăng trưởng, mở rộng thị trường tiêu thụ và phát triển thương mại theo hướng bền vững, hiện đại.

Dịch vụ lưu trú, ăn uống và du lịch lữ hành tháng 10/2025 ước đạt 880,81 tỷ đồng, tăng 0,96% so với tháng trước và tăng 12,47% so với cùng kỳ năm trước. Trong tháng doanh thu hoạt động lưu trú, lữ hành gặp nhiều khó khăn do bước vào mùa mưa, thời tiết thường xuyên có mưa lớn kéo dài, ảnh hưởng của các cơn bão khiến nhiều khu vực ven biển như Thiên Cầm, Xuân Hải sau bão vẫn chưa khôi phục hoàn toàn hạ tầng, khiến công suất khai thác phòng lưu trú giảm đáng kể. Mặc dù vậy, hoạt động ăn uống chiếm tỷ trọng doanh thu cao và vẫn duy trì ổn định, nhu cầu ăn uống ngoài gia đình ngày càng tăng. Như doanh thu dịch vụ ăn uống ước đạt 855,61 tỷ đồng, tăng 2,15% so với tháng trước, tăng 12,61% so với cùng kỳ năm trước; doanh thu lưu trú ước đạt 21,68 tỷ đồng, giảm 29,88% so với tháng trước, tăng 8,88% so với cùng kỳ năm trước; du lịch lữ hành chỉ đạt trên 3,5 tỷ đồng, giảm 9,19% so với tháng trước và tăng 2,29% so với cùng kỳ năm trước.

Tính chung 10 tháng năm 2025, doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống và du lịch lữ hành ước đạt 8.140,15 tỷ đồng, tăng 14,22% so với cùng kỳ năm trước. Chịu ảnh hưởng trực tiếp bởi doanh thu ăn uống (chiếm 95,50% tổng doanh thu) tăng 13,17% so với cùng kỳ năm trước. Hoạt động ăn uống vẫn là nhóm ngành chủ đạo và tăng trưởng ổn định chứng tỏ đời sống người dân đang dần cải thiện. Ngành du lịch, lưu trú đang được các cấp, ngành và các đơn vị kinh doanh chú trọng đầu tư và có những tín hiệu tích cực, tuy nhiên khi mùa du lịch cao điểm đã qua thì 2 nhóm ngành này dự ước sắp tới sẽ tiếp tục giảm doanh thu vì vậy cần có các hướng đi mới về du lịch trải nghiệm giải trí.

Doanh thu dịch vụ khác tháng 10/2025 ước đạt 460,03 tỷ đồng, tăng 2,91% so với tháng trước và tăng 19,78% so với cùng kỳ năm trước. Trong tháng, bước vào mùa cưới hỏi cũng như các công trình đẩy nhanh tiến độ thi công trước mùa mưa và cận cuối năm nên nhu cầu các dịch vụ cho thuê đồ dùng gia đình, máy móc sử dụng thiết bị phục vụ thi công, xây dựng, sản xuất tiếp tục tăng cao. Bên cạnh đó, hoạt động khắc phục hậu quả sau bão, đặc biệt là các dịch vụ vệ sinh công nghiệp, thuê thiết bị, bảo trì hệ thống khiến nhóm ngành hành chính và dịch vụ hỗ trợ cũng tăng đáng kể.

Tính chung 10 tháng năm 2025, doanh thu ước đạt 4.338,05 tỷ đồng, tăng

15,58% so với cùng kỳ năm trước. Điểm sáng của khu vực dịch vụ khác nằm ở các nhóm ngành có xu hướng phục hồi và tăng trưởng dịch vụ cá nhân như làm đẹp, spa, chăm sóc sức khỏe, cùng với bất động sản, giáo dục, y tế và dịch vụ hành chính hỗ trợ. Những ngành này không chỉ duy trì được mức tăng trưởng ổn định mà còn phản ánh sự chuyển dịch nhu cầu tiêu dùng theo hướng thiết thực và đa dạng hơn. Đây là tín hiệu tích cực, tạo nền tảng để các hoạt động sản xuất, kinh doanh dịch vụ tiếp tục ổn định trong các tháng cuối năm.

4.2. Hoạt động vận tải

Doanh thu vận tải, kho bãi 10 tháng năm 2025 ước đạt 8.177,35 tỷ đồng, tăng 15,51% so với cùng kỳ năm trước. Nhu cầu đi lại, vận chuyển và tiêu dùng vẫn khá ổn định và trên đà gia tăng. Bên cạnh đó, hoạt động sản xuất, thương mại, xuất nhập khẩu diễn biến tích cực đã thúc đẩy nhu cầu vận tải hàng hóa và dịch vụ kho bãi. Cùng với sự phát triển mạnh mẽ của thương mại điện tử cũng góp phần làm tăng doanh thu dịch vụ bưu chính, chuyển phát.

Hoạt động vận tải 10 tháng năm 2025



Kết quả vận tải, kho bãi tháng 10/2025 doanh thu ước đạt 872,36 tỷ đồng, tăng 0,66% so tháng trước và tăng 23,02% so cùng kỳ năm trước. Trong đó: Doanh thu vận tải hành khách ước đạt 144,71 tỷ đồng, tăng 0,75% so tháng trước và tăng 27,77% so cùng kỳ năm trước; doanh thu vận tải hàng hóa ước đạt 538,64 tỷ đồng, tăng 0,44% so tháng trước và tăng 19% so cùng kỳ năm trước; doanh thu kho bãi, dịch vụ hỗ trợ vận tải ước đạt 180,52 tỷ đồng, tăng 1,24% so tháng trước và tăng 31,13% so cùng kỳ năm trước; doanh thu bưu chính chuyển phát ước đạt 8,50 tỷ đồng, tăng 0,97% so với tháng trước và tăng 52,94% so với cùng kỳ năm trước.

Tính chung 10 tháng năm 2025, doanh thu vận tải dự tính đạt 8.177,35 tỷ đồng, tăng 15,51% so với cùng kỳ năm trước, trong đó: Vận tải hành khách dự tính đạt 1.420,83 tỷ đồng, tăng 16,20% với số lượng vận chuyển đạt 14.260,17 nghìn hành khách, tăng 16,45% và luân chuyển đạt 2.582,58 triệu hành khách.km, tăng 13,61%; vận tải hàng hóa dự tính đạt 5.078,98 tỷ đồng, tăng 15,11% với khối lượng vận chuyển ước đạt 53.446,86 nghìn tấn, tăng 22,30% và luân chuyển ước đạt 1.721,72

triệu tấn.km, tăng 22,99%. Doanh thu kho bãi, dịch vụ hỗ trợ vận tải ước đạt 1.605,49 tỷ đồng, tăng 15,26% so với cùng kỳ năm trước

4.3. Xuất nhập khẩu hàng hóa

Mười tháng năm 2025, tổng trị giá xuất nhập khẩu đạt 3.671,62 triệu USD, giảm 26,24% so với cùng kỳ năm trước (trị giá nhập khẩu giảm 26,07% và trị giá xuất khẩu giảm 26,53%). Nguyên nhân chính là do Công ty TNHH Gang thép Hưng Nghiệp Formosa Hà Tĩnh (FHS) gặp khó khăn trong xuất khẩu thép và phôi thép do các chính sách bảo hộ thương mại quốc tế, dẫn đến giảm sản lượng và nhu cầu nhập khẩu nguyên liệu.



Trị giá xuất khẩu tháng 10/2025 ước đạt 150,55 triệu USD, tăng 9,99% so với tháng trước và so với cùng kỳ giảm 11,19%. Diễn biến này cho thấy sự phục hồi nhẹ của xuất khẩu, tuy nhiên so với cùng kỳ năm trước, quy mô còn thu hẹp đáng kể. Điều này phản ánh bối cảnh thị trường xuất khẩu còn nhiều khó khăn, nhu cầu tiêu dùng toàn cầu chưa phục hồi hoàn toàn, trong khi doanh nghiệp trong nước vẫn đối mặt với áp lực về đơn hàng, chi phí sản xuất và cạnh tranh quốc tế.

Tính chung 10 tháng năm 2025, trị giá xuất khẩu ước đạt 1.384,69 triệu USD, giảm 26,53% so với cùng kỳ. Trong đó, xuất khẩu thép, phôi thép ước đạt 1.110,17 triệu USD (chiếm 80,17% tổng trị giá) giảm 33,5% so với cùng kỳ. Nguyên nhân chính dẫn đến sự suy giảm xuất khẩu nằm ở sự tụt dốc của Công ty TNHH Gang thép Hưng Nghiệp Formosa Hà Tĩnh với trị giá xuất khẩu lũy kế giảm 33,8%. Bên cạnh những khó khăn từ ngành thép, vẫn có một số điểm sáng cần ghi nhận. Các mặt hàng như hàng dệt may và xơ, sợi dệt tiếp tục tăng trưởng mạnh (dệt may tăng 69,33% và xơ sợi dệt tăng 101,57% so với cùng kỳ).

Trị giá nhập khẩu tháng 10/2025 ước đạt 214,74 triệu USD, tăng 2,68% so với tháng trước và giảm 7,41% so với cùng kỳ. Tính chung 10 tháng năm 2025 trị giá nhập khẩu ước đạt 2.286,93 triệu USD, giảm 26,07%. Trong đó, trị giá nhập khẩu của Formosa ước đạt 1.638,42 triệu USD, chiếm 71,64% trị giá nhập khẩu toàn tỉnh, giảm 27,99% so với cùng kỳ năm trước.

Năm 2025, tỉnh Hà Tĩnh đặt mục tiêu xuất khẩu đạt 2,5 tỷ USD. Dù mới đạt

55,39% mục tiêu nhưng vẫn còn dư địa để tăng tốc trong những tháng còn lại. Với việc tận dụng ưu đãi từ 13 trong số 17 hiệp định thương mại tự do (FTA) mà Việt Nam ký kết. Kim ngạch xuất khẩu từ các FTA này chiếm hơn 50% trị giá toàn tỉnh, hàng hóa của Hà Tĩnh đã có mặt tại hơn 20 quốc gia, trong đó có các thị trường lớn như Nhật Bản, Ấn Độ, Trung Quốc, ASEAN,... Các hiệp định CPTPP, EVFTA, RCEP,... tiếp tục tạo điều kiện để doanh nghiệp địa phương mở rộng thị trường, giảm thuế và tăng tính cạnh tranh. Đồng hành cùng doanh nghiệp, Ủy ban Nhân dân tỉnh đã ban hành Kế hoạch 341/KH-UBND thực hiện Chỉ thị 13/CT-TTg về chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả. Đồng thời cũng đang xây dựng chính sách phát triển logistics và xuất khẩu giai đoạn 2026-2030, nhằm hoàn thiện hạ tầng thương mại, giảm chi phí vận tải, hỗ trợ xúc tiến thị trường.

5. Chỉ số giá tiêu dùng

Trong tháng giá lương thực, thực phẩm tiếp tục có xu hướng tăng do sự khan hiếm về nguồn cung, giá vàng tiếp tục biến động mạnh theo xu hướng của giá vàng thế giới. Chỉ số giá tiêu dùng của tỉnh Hà Tĩnh trong tháng tăng nhẹ (0,15%) so với tháng trước nhưng so với cùng kỳ tăng 0,74%. Bình quân mười tháng năm 2025 đang ở mức tăng 3,44% so với cùng kỳ.



CPI tháng 10/2025 tăng 0,15% so với tháng trước, chủ yếu do nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 0,7%, trong đó thực phẩm tăng mạnh 0,84%. Nguyên nhân chính là thịt gia súc tăng 1,37% so với tháng trước, thịt gia súc đảo chiều tăng so với tháng trước do dịch tả lợn Châu Phi đã giảm hơn nên người dân có xu hướng tiêu dùng mặt hàng thịt lợn nhiều hơn trước. Ngoài ra, thời tiết bắt đầu chuyển mùa nên nhu cầu mua sắm hàng may mặc và giày dép phục vụ cho mùa lạnh tăng lên.

Ở chiều ngược lại, trong tháng 10/2025 có một số giảm giá như giá điện sinh hoạt giảm 0,18% , do thời tiết mát mẻ và bắt đầu chuyển lạnh, nhu cầu sử dụng điện điều hòa giảm nên giá điện giảm. Giá gas, xăng dầu giảm do quy định điều chỉnh giá của Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam.

Bình quân 10 tháng năm 2025 chỉ số CPI đã tăng ở mức 3,44% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, khu vực thành thị tăng 4,39%, khu vực nông thôn tăng 3,03%. Chủ yếu do giá hàng ăn và dịch vụ ăn uống, điện sinh hoạt, dịch vụ giáo dục, dịch

vụ y tế là yếu tố tác động làm tăng CPI.

Dự báo CPI tháng 11/2025 tiếp tục tăng do giá các loại lương thực, thực phẩm, đồ uống dự kiến tăng trở lại về cuối năm khi thời tiết chuyển mùa, việc vận chuyển gặp nhiều khó khăn hơn. Giá gạo cũng tăng giá khi nguồn dự trữ lúa sản xuất từ hai vụ trong năm giảm dần. Sang tháng có thể xuất hiện tình trạng không khí lạnh, rét đậm khiến các loại hàng may mặc, đồ dùng gia đình tăng cao.

II. MỘT SỐ TÌNH HÌNH XÃ HỘI

1. Đời sống dân cư và bảo đảm an sinh xã hội

Trong tháng 10/2025, nhân dân Hà Tĩnh chịu ảnh hưởng nặng nề của bão số 10, làm hàng chục nghìn ngôi nhà hư hỏng, nhiều diện tích hoa màu và thủy sản bị thiệt hại. Trước tình hình đó, Chính quyền các cấp đã thực hiện nghiêm chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ và Chương trình công tác tháng 10/2025 của UBND tỉnh, huy động lực lượng khẩn trương khắc phục hậu quả, hỗ trợ người dân ổn định nơi ở, khôi phục sản xuất và bảo đảm an sinh xã hội.

Chính phủ đã ban hành Quyết định 2171/QĐ-TTg ngày 2/10/2025 hỗ trợ 500 tỷ đồng từ nguồn dự phòng ngân sách Trung ương để khắc phục hậu quả thiên tai. Tỉnh đã phân bổ hơn 81,5 tỷ đồng từ Quỹ Cứu trợ tới các xã, phường bị thiệt hại nặng (mức hỗ trợ 250 triệu đến một tỷ đồng/xã tùy mức độ). Các tổ chức, doanh nghiệp và ngân hàng cũng đồng hành hỗ trợ, cụ thể Đoàn công tác tỉnh Hưng Yên 4 tỷ đồng; ngân hàng BIDV Hà Tĩnh 2,4 tỷ đồng. Cùng với đó, tỉnh cũng triển khai đồng bộ các chính sách hỗ trợ sửa chữa nhà ở, khôi phục sản xuất nông nghiệp, ổn định trường lớp, đảm bảo an sinh xã hội cho người dân vùng thiên tai. Các phong trào “Cả tỉnh chung tay vì đồng bào vùng lũ” và “Thi đua yêu nước” được hưởng ứng mạnh mẽ. Nhờ sự quan tâm của các cấp, sự đồng lòng của nhân dân và đồng đạo các lực lượng công an, quân sự, thanh niên, phụ nữ tham gia khắc phục hậu quả thiên tai, đời sống người dân đang từng bước được cải thiện, góp phần giữ vững ổn định xã hội và thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 2025.

2. Giáo dục - đào tạo

Trong tháng 10/2025, ngành giáo dục tập trung khắc phục hậu quả sau bão số 10, khoảng hơn 400 trường học bị ảnh hưởng với tổng thiệt hại hàng trăm tỷ đồng. Các lực lượng chức năng, giáo viên, đoàn viên thanh niên và phụ huynh đã tích cực tham gia dọn dẹp, sửa chữa để sớm ổn định việc dạy và học. Bên cạnh đó, các trường tiếp tục đẩy mạnh giáo dục truyền thống, đặc biệt qua các hoạt động kỷ niệm 111 năm ngày sinh anh hùng Lý Tự Trọng (20/10/1914 - 20/10/2025), nhằm giáo dục lý tưởng và tinh thần yêu nước cho học sinh. Ngành giáo dục duy trì chuyển đổi số, đổi mới phương pháp giảng dạy và triển khai các chính sách hỗ trợ học sinh sau thiên tai, hướng tới bảo đảm an toàn, ổn định và nâng cao chất lượng giáo dục toàn tỉnh.

3. Hoạt động y tế

Công tác y tế có nhiều chuyển biến tích cực, tập trung vào nâng cao chất lượng phục vụ và ứng dụng công nghệ. Đặc biệt trong tháng ngành y tế đã chủ động triển khai công tác vệ sinh môi trường, giám sát dịch tễ, cấp phát Cloramine B, Aquatabs xử lý nguồn nước, đảm bảo vệ sinh và sức khỏe nhân dân. Nhờ thực hiện tốt công tác xử lý môi trường và phòng chống dịch bệnh do đó trên địa bàn tỉnh không xuất hiện dịch bệnh sau bão lũ, một số ca bệnh truyền nhiễm được bao vây xử lý kịp thời.

Tình hình dịch bệnh: Trong tháng ghi nhận 16 ca mắc sốt xuất huyết, tính từ đầu năm đến nay, toàn tỉnh có 66 ca mắc sốt xuất huyết. Ngoài ra các bệnh truyền nhiễm như tiêu chảy, cúm, viêm đường hô hấp được theo dõi sát, không ghi nhận ổ dịch lớn các ca bệnh đều được phát hiện và điều trị kịp thời, không có người chết do dịch bệnh.

Công tác an toàn thực phẩm: Trong tháng 10/2025, xảy ra 1 vụ ngộ độc thực phẩm, làm 19 người bị ngộ độc; ngoài ra cũng phát sinh 40 ca ngộ độc đơn lẻ. Tính chung 10 tháng năm 2025, toàn tỉnh xảy ra 2 vụ ngộ độc tập thể khiến 23 người bị ngộ độc và xuất hiện 481 ca ngộ độc đơn lẻ, so với cùng kỳ năm trước có giảm 1 vụ ngộ độc tập thể (nhưng tăng 10 người bị ngộ độc tập thể), số ca ngộ độc đơn lẻ giảm 139 ca. Các ca ngộ độc đều được phát hiện và điều trị kịp thời không có trường hợp tử vong do ngộ độc thực phẩm.

Công tác phòng chống HIV/AIDS: Đề hạn chế lây nhiễm HIV/AIDS, tỉnh tiếp tục đẩy mạnh truyền thông và dự phòng, cung cấp các dịch vụ phòng, chống HIV/AIDS toàn diện, đặc biệt hướng tới nhóm thanh niên. Trong tháng 10/2025, trên địa bàn tỉnh ghi nhận 1 trường hợp nhiễm HIV mới, không có ca chuyển sang AIDS nhưng có 6 trường hợp tử vong do AIDS. So với tháng trước, tăng 1 ca nhiễm HIV mới và tăng 6 ca tử vong do AIDS. Tính chung 10 tháng năm 2025, toàn tỉnh ghi nhận 13 ca nhiễm HIV mới và 6 ca tử vong do AIDS, giảm 13 ca nhiễm mới nhưng tăng 5 ca tử vong do AIDS so với cùng kỳ năm trước.

4. Hoạt động văn hoá, thể thao

Về văn hóa: Trong tháng 10/2025, hoạt động văn hóa - du lịch của tỉnh chủ yếu tập trung tuyên truyền, kỷ niệm các ngày lễ lớn như: Ngày Quốc tế Người cao tuổi (01/10), Ngày Doanh nhân Việt Nam (13/10), Ngày Phụ nữ Việt Nam (20/10) và 111 năm Ngày sinh Anh hùng liệt sĩ Lý Tự Trọng,... Nhiều chương trình sinh hoạt chính trị, văn nghệ, tuyên truyền được tổ chức nhằm giáo dục truyền thống cách mạng, bồi dưỡng lòng yêu nước và tinh thần tự hào dân tộc cho cán bộ, đoàn viên, thanh thiếu niên.

Về thể dục thể thao: Trong tháng diễn ra giải Pickleball Đại hội TDTT toàn tỉnh Hà Tĩnh lần thứ X năm 2025, thu hút 200 VĐV đến từ 39 đơn vị tham gia tranh tài ở 3 nội dung đôi nam, đôi nữ và đôi nam nữ. Đây cũng là hoạt động chào mừng thành công Đại hội Đảng bộ tỉnh Hà Tĩnh lần thứ XX, đồng thời là dịp gặp gỡ, giao lưu giữa các đơn vị trong toàn tỉnh. Cũng trong tháng này diễn ra giải Đua thuyền

Rowing vô địch châu Á năm 2025 diễn ra từ ngày 16/10 - 19/10 tại Thành phố Hải Phòng, tham gia giải các vận động viên Hà Tĩnh đã xuất sắc giành 3 HCV, 1 HCD, góp phần quan trọng vào thành tích chung của đội tuyển Việt Nam.

5. Tình hình trật tự và toàn giao thông

Trong tháng, trên địa bàn đã xảy ra 29 vụ tai nạn đường bộ, làm 16 người chết, 22 người bị thương (tăng 4 vụ; tăng 1 người chết; tăng 6 người bị thương so với tháng trước); cũng trong tháng không xảy ra vụ tai nạn đường sắt nào (giữ nguyên so với tháng trước). Giá trị thiệt hại ước tính 55 triệu đồng.

Tính chung 10 tháng năm 2025 trên địa bàn đã xảy ra 284 vụ tai nạn đường bộ, làm 197 người chết và 170 người bị thương; 2 vụ tai nạn đường sắt, làm 1 người bị thương. Tổng giá trị thiệt hại về tài sản dự ước 3.497 triệu đồng. So với cùng kỳ năm trước, số vụ tai nạn đường bộ giảm 63 vụ, tăng 04 người chết nhưng giảm 41 người bị thương; tai nạn đường sắt giảm 1 vụ và 1 người chết, số người bị thương không thay đổi, giá trị thiệt hại tăng 1.327 triệu đồng.

6. Bảo vệ môi trường, thiên tai và phòng chống cháy, nổ

Tình hình cháy, nổ: Trong tháng đã xảy ra 9 vụ cháy (giữ nguyên so với tháng trước), làm 01 người bị thương; tổng giá trị thiệt hại về tài sản ước tính 60 triệu đồng. Tính chung 10 tháng năm 2025 đã xảy ra 70 vụ cháy, làm 3 người bị thương, tổng giá trị thiệt hại ước tính 1.617,72 triệu đồng. Trong tháng 10/2025 và 10 tháng năm 2025 không xảy ra vụ nổ nào, không thay đổi so với năm trước.

Vi phạm môi trường: Trong tháng 10/2025, trên địa bàn phát hiện 36 vụ vi phạm môi trường, giảm 24 vụ (giảm 40,0%) so với tháng trước; tăng 19 vụ (tăng 111,76%) so với cùng kỳ năm trước; Số vụ vi phạm đã xử lý là 17 vụ, giảm 27 vụ (giảm 61,36%) so với tháng trước và giảm 5 vụ (giảm 22,73%) so với cùng kỳ với số tiền xử phạt vi phạm hành chính là 792 triệu đồng, tăng 646,78 triệu đồng (tăng 445,35%) so với tháng trước và tăng 456 triệu đồng (tăng 135,72%) so với cùng kỳ năm trước.

Tính từ đầu năm đến nay, toàn tỉnh đã phát hiện 291 vụ, tăng 42 vụ (tăng 16,87%); đã xử lý 227 vụ, giảm 9 vụ (giảm 3,81%) với tổng số tiền xử phạt gần 4 tỷ đồng, tăng gần 2,4 tỷ đồng (tăng 146,79%) so với cùng kỳ năm trước. Số vụ vi phạm môi trường trong tháng giảm so với tháng trước do trước đó ngành Công an đã triển khai đợt cao điểm kiểm tra, giám sát, xử phạt và tuyên truyền, nhờ đó các cơ sở sản xuất, kinh doanh đã chủ động khắc phục sai phạm và hạn chế hành vi xả thải trái phép. Tuy nhiên, so với cùng kỳ năm trước, số vụ vi phạm môi trường lại tăng do năm nay tình tăng cường công tác quản lý môi trường, ban hành nhiều văn bản chỉ đạo mới và mở rộng phạm vi kiểm tra, giám sát, nên việc phát hiện và xử lý vi phạm được thực hiện chặt chẽ, kịp thời hơn.

Tình hình bất thường về thiên tai: Trong tháng 10/2025 trên địa bàn không xảy ra vụ thiên tai nào, nhưng tính chung 10 tháng trên địa bàn đã xảy ra 03 cơn bão lớn là bão số 5 (bão Kajiki), bão số 6 (bão Nongfa) và bão số 10 (Bualoi) gây mưa lớn

trên diện rộng khiến 3 người chết và bị thương 62 người, tài sản thiệt hại lớn, ước tính 9.294 tỷ đồng. Ngoài ra, trên địa bàn cũng xảy ra 08 vụ mưa lớn, sét đánh, mưa đá khiến 06 người chết do sét đánh, 02 người mất tích trên biển, giá trị tài sản thiệt hại gần 45 tỷ đồng.

Trên đây là báo cáo tình hình kinh tế - xã hội tháng 10 và 10 tháng năm 2025 trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh./.

Nơi nhận:

- Ban TK Tổng hợp và Đối ngoại - CTK (b/c);
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh (b/c);
- Ban Tuyên giáo - Dân vận Tỉnh ủy;
- VP Tỉnh ủy, HĐND - UBND tỉnh;
- Sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Lãnh đạo Thống kê tỉnh;
- Phòng nghiệp vụ Thống kê tỉnh;
- Thống kê cơ sở;
- UBND các xã, phường;
- Lưu: VT; TH.

Q. TRƯỞNG THỐNG KÊ

Nguyễn Trung Thành

BIỂU SỐ LIỆU
BÁO CÁO TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI
THÁNG 10 VÀ 10 THÁNG NĂM 2025
TỈNH HÀ TĨNH

1. Sản xuất nông nghiệp đến ngày 20 tháng 10 năm 2025

(Kèm theo Báo cáo số: 97/BC-TKT ngày 31/10/2025)

	Đơn vị tính	Thực hiện cùng kỳ năm trước	Thực hiện kỳ báo cáo	Thực hiện kỳ báo cáo so với cùng kỳ năm trước (%)
Diện tích gieo trồng				
Lúa Mùa	Ha	165,5	35,7	21,58
Ngô	Ha	14.383	14.667	101,97
Khoai lang	Ha	3.380	3.189	94,35
Lạc	Ha	6.981	6.268	89,79
Rau các loại	Ha	14.098	14.012	99,39
Đậu các loại	Ha	2.473	2.456	99,31

2. Chăn nuôi đến ngày 31 tháng 10 năm 2025

(Kèm theo Báo cáo số: 97/BC-TKT ngày 31/10/2025)

	Thực hiện cùng kỳ năm trước	Ước thực hiện kỳ báo cáo	Thực hiện kỳ báo cáo so với cùng kỳ năm trước (%)
Gia súc (con)	583.754	540.918	92,66
Trâu	66.863	57.602	86,15
Bò	164.562	150.936	91,72
<i>Trong đó: Bò sữa</i>	2.150	2.096	97,49
Lợn	352.329	332.380	94,34
Gia cầm (nghìn con)	10.285	10.380	100,92
<i>Trong đó: Gà</i>	8.524	8.602	100,92

3. Lâm nghiệp

(Kèm theo Báo cáo số: 97/BC-TKT ngày 31/10/2025)

	Đơn vị tính	Ước tính tháng 10 năm 2025	Ước tính 10 tháng năm 2025	Tháng 10 năm 2025 so với cùng kỳ năm trước (%)	10 tháng năm 2025 so với cùng kỳ năm trước (%)
Diện tích rừng trồng mới tập trung	Ha	2.248	7.292	104,61	102,55
Sản lượng gỗ khai thác	Nghìn m ³	136,79	606,06	178,97	123,66
Số vụ cháy rừng (tính đến ngày 15 hàng tháng)	Vụ	-	-	-	-
Diện tích rừng bị cháy (tính đến ngày 15 hàng tháng)	Ha	-	-	-	-
Số vụ phá rừng (tính đến ngày 15 hàng tháng)	Vụ	-	36	-	70,59
Diện tích rừng bị phá (tính đến ngày 15 hàng tháng)	Ha	-	8,90	-	63,81
Số cây lâm nghiệp trồng phân tán	1000 cây	12,92	1.586	6,66	70,85

4. Sản lượng thủy sản

(Kèm theo Báo cáo số: 97/BC-TKT ngày 31/10/2025)

	Ước tính tháng 10 năm 2025 (Tấn)	Ước tính 10 tháng năm 2025 (Tấn)	Tháng 10 năm 2025 so với cùng kỳ năm trước (%)	10 tháng năm 2025 so với cùng kỳ năm trước (%)
Tổng sản lượng thủy sản	4.436	54.316	102,21	104,50
Cá	3.045	32.969	102,25	104,79
Tôm	470	6.303	101,29	105,12
Thủy sản khác	921	15.044	102,56	103,60
Sản lượng thủy sản nuôi trồng	1.154	15.933	100,52	103,77
Cá	598	6.799	98,68	101,61
Tôm	390	5.427	102,09	105,95
Thủy sản khác	166	3.707	103,75	104,69
Sản lượng thủy sản khai thác	3.282	38.383	102,82	104,80
Cá	2.447	26.170	103,16	105,65
Tôm	80	876	97,56	100,23
Thủy sản khác	755	11.337	102,30	103,25

5. Chỉ số sản xuất công nghiệp

(Kèm theo Báo cáo số: 97/BC-TKT ngày 31/10/2025)

Đơn vị tính: %

	Tháng 9 năm 2025 so với cùng kỳ năm trước	Ước tính tháng 10 năm 2025 so với tháng trước	Ước tính tháng 10 năm 2025 so với cùng kỳ năm trước	10 tháng năm 2025 so với cùng kỳ năm trước
Toàn ngành công nghiệp	109,43	99,16	109,76	104,38
<i>Phân theo ngành kinh tế cấp II</i>				
Khai khoáng	86,40	104,91	75,03	106,19
Khai thác quặng kim loại	37,06	56,69	42,77	69,40
Khai khoáng khác	88,93	105,94	75,69	107,60
Công nghiệp chế biến, chế tạo	96,71	111,26	116,98	101,35
Sản xuất chế biến thực phẩm	131,36	105,32	133,93	114,49
Sản xuất đồ uống	91,97	103,14	95,69	100,78
Dệt	109,34	98,46	104,14	115,87
Sản xuất trang phục	121,54	103,20	141,57	124,45
Chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa (trừ giường, tủ, bàn, ghế); sản xuất sản phẩm từ rom, rạ và vật liệu tết bện	105,02	98,86	104,49	94,25
Sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy	142,86	104,00	144,44	160,08
In, sao chép bản ghi các loại	80,30	120,73	71,10	69,85
Sản xuất than cốc, sản phẩm dầu mỏ tinh chế	76,38	127,37	97,37	93,88
Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu	133,85	105,36	108,00	97,24
Sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác	117,60	99,12	118,47	114,57
Sản xuất kim loại	83,30	110,38	102,79	89,87
Sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc, thiết bị)	105,30	106,49	111,03	106,65
Sản xuất thiết bị điện	1.002,39	117,94	1.209,04	1.287,65

	Tháng 9 năm 2025 so với cùng kỳ năm trước	Ước tính tháng 10 năm 2025 so với tháng trước	Ước tính tháng 10 năm 2025 so với cùng kỳ năm trước	10 tháng năm 2025 so với cùng kỳ năm trước
Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	112,83	106,08	117,10	110,40
Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hoà không khí	218,47	56,94	80,93	118,73
Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hoà không khí	218,47	56,94	80,93	118,73
Cung cấp nước; hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải	103,67	87,20	103,16	103,61
Khai thác, xử lý và cung cấp nước	102,75	86,07	102,51	103,05
Hoạt động thu gom, xử lý và tiêu huỷ rác thải; tái chế phế liệu	113,92	98,54	109,28	109,50

6. Sản lượng một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu

(Kèm theo Báo cáo số: 97/BC-TKT ngày 31/10/2025)

	Đơn vị tính	Thực hiện tháng 9 năm 2025	Ước tính tháng 10 năm 2025	Cộng dồn 10 tháng năm 2025	Tháng 10 năm 2025 so với cùng kỳ năm trước (%)	10 tháng năm 2025 so với cùng kỳ năm trước (%)
Quặng inmenit và tinh quặng inmenit	Tấn	183	30	2.063	15,00	67,20
Quặng zircon và tinh quặng zircon	Tấn	57	40	708	50,00	70,10
Đá xây dựng khác	1000 M ³	197	220	2.383	69,13	110,03
Mực đông lạnh	Tấn	54	57	254	859,38	331,18
Chè (trà) nguyên chất (như: chè (trà) xanh, chè (trà) đen)	Tấn	175	280	1.991	84,59	102,12
Thức ăn cho gia súc	Tấn	1.216	1.378	11.298	116,70	131,40
Bia đóng lon	1000 Lít	6.496	6.700	69.140	95,69	100,78
Sợi xe từ các loại sợi tự nhiên: bông, đay, lanh, xơ dừa, cói ...	Tấn	843	830	8.190	104,14	115,87
Vỏ bào, dăm gỗ	1000 Tấn	57	52	474	102,62	92,09
Than cốc và bán cốc luyện từ than non hay than bùn	1000 Tấn	165	210	2.273	97,37	93,88
Dịch vụ sản xuất dược phẩm	Triệu đồng	13.625	14.355	130.706	108,00	97,24
Gạch xây dựng bằng đất sét nung (trừ gốm, sứ) quy chuẩn 220x105x60mm	1000 viên	6.619	4.740	62.753	59,17	144,63
Bê tông trộn sẵn (bê tông tươi)	M ³	32.338	33.047	319.630	125,57	101,75

	Đơn vị tính	Thực hiện tháng 9 năm 2025	Ước tính tháng 10 năm 2025	Cộng dồn 10 tháng năm 2025	Tháng 10 năm 2025 so với cùng kỳ năm trước (%)	10 tháng năm 2025 so với cùng kỳ năm trước (%)
Thép không gỉ ở dạng bán thành phẩm	1000 Tấn	293	320	3.094	102,47	89,12
Ắc quy bằng ion lithi	1000 Kwh	203	270	1.603	680,89	589,10
Điện sản xuất	Triệu KWh	1.052	576	9.721	78,99	119,29
Điện thương phẩm	Triệu KWh	158	161	1.555	113,45	109,85
Nước uống được	1000 M ³	2.450	2.370	23.567	107,48	104,07
Nước không uống được	1000 M ³	2.444	2.100	23.744	102,44	103,04
Rác thải không độc hại đã thu gom không thể tái chế	Tấn	9.163	8.994	90.380	111,27	110,60

7. Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước do địa phương quản lý

(Kèm theo Báo cáo số: 97/BC-TKT ngày 31/10/2025)

	Thực hiện tháng 9 năm 2025 (Tỷ đồng)	Ước tính tháng 10 năm 2025 (Tỷ đồng)	Cộng dồn 10 tháng năm 2025 (Tỷ đồng)	10 tháng năm 2025 so với kế hoạch năm 2025 (%)	10 tháng năm 2025 so với cùng kỳ năm trước (%)
TỔNG SỐ	991,85	1.267,38	6.587,33	65,07	129,56
Vốn ngân sách Nhà nước cấp tỉnh	926,88	1.206,49	6.142,46	63,75	129,13
Vốn cân đối ngân sách tỉnh	775,73	1.051,19	4.696,32	61,43	135,78
<i>Trong đó: Thu từ quỹ sd đất</i>	81,15	80,71	1.339,50	88,90	112,80
Vốn trung ương hỗ trợ đầu tư theo mục tiêu	119,45	120,30	1.065,14	85,17	101,37
Vốn nước ngoài (ODA)	31,70	35,00	381,00	52,30	163,44
Xổ số kiến thiết	-	-	-	-	-
Vốn khác	-	-	-	-	-
Vốn ngân sách Nhà nước cấp xã	64,97	60,89	444,88	90,20	135,58
Vốn cân đối ngân sách xã	64,97	60,89	444,88	90,20	135,58
<i>Trong đó: Thu từ quỹ sd đất</i>	64,97	60,89	444,88	90,20	135,58
Vốn huyện hỗ trợ đầu tư theo mục tiêu	-	-	-	-	-
Vốn khác	-	-	-	-	-

8. Doanh thu bán lẻ hàng hoá*(Kèm theo Báo cáo số: 97/BC-TKT ngày 31/10/2025)*

	Thực hiện tháng 9 năm 2025 (Tỷ đồng)	Ước tính tháng 10 năm 2025 (Tỷ đồng)	Cộng dồn 10 tháng năm 2025 (Tỷ đồng)	Tháng 10 năm 2025 so với cùng kỳ năm trước (%)	10 tháng năm 2025 so với cùng kỳ năm trước (%)
Tổng số	6.521,95	6.648,81	64.524,52	111,11	112,22
<i>Phân theo nhóm hàng</i>					
Lương thực, thực phẩm	3.138,41	3.173,15	31.968,72	113,87	115,48
Hàng may mặc	428,40	442,34	4.029,01	117,01	110,92
Đồ dùng, dụng cụ trang thiết bị gia đình	943,99	961,09	9.112,00	123,55	130,50
Vật phẩm, văn hóa, giáo dục	69,55	67,14	563,80	143,31	121,33
Gỗ và vật liệu xây dựng	334,26	332,16	2.945,08	96,84	109,36
Ô tô con (dưới 9 chỗ ngồi)	150,06	164,97	1.609,96	46,90	73,37
Phương tiện đi lại (kể cả phụ tùng)	81,70	86,91	895,48	94,60	102,32
Xăng, dầu các loại	502,36	519,65	5.244,67	100,92	85,68
Nhiên liệu khác (trừ xăng, dầu)	168,28	171,14	1.489,14	135,55	126,19
Đá quý, kim loại quý và sản phẩm	174,90	189,83	1.600,13	151,98	123,29
Hàng hóa khác	360,13	366,58	3.457,77	124,30	113,67
Sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác	169,93	173,84	1.608,75	118,27	121,07

9. Doanh thu dịch vụ lưu trú và ăn uống, du lịch lữ hành và dịch vụ khác

(Kèm theo Báo cáo số: 97/BC-TKT ngày 31/10/2025)

	Thực hiện tháng 9 năm 2025 (Tỷ đồng)	Ước tính tháng 10 năm 2025 (Tỷ đồng)	Cộng dồn 10 tháng năm 2025 (Tỷ đồng)	Tháng 10 năm 2025 so với cùng kỳ năm trước (%)	10 tháng năm 2025 so với cùng kỳ năm trước (%)
Dịch vụ lưu trú, ăn uống	868,54	877,30	8.064,30	112,52	114,09
Dịch vụ lưu trú	30,92	21,68	362,65	108,88	137,91
Dịch vụ ăn uống	837,62	855,61	7.701,65	112,61	113,17
Du lịch lữ hành	3,87	3,52	75,86	102,29	129,89
Dịch vụ tiêu dùng khác	447,03	460,03	4.338,05	119,78	115,58

10. Hoạt động lưu trú, du lịch, lữ hành*(Kèm theo Báo cáo số: 97/BC-TKT ngày 31/10/2025)*

	Đơn vị tính	Thực hiện tháng 9 năm 2025	Ước tính tháng 10 năm 2025	Cộng dồn 10 tháng năm 2025	Tháng 10 năm 2025 so với cùng kỳ năm trước (%)	10 tháng năm 2025 so với cùng kỳ năm trước (%)
I. Dịch vụ lưu trú						
1. Lượt khách phục vụ	Lượt khách	163.661	118.836	1.839.093	104,11	118,98
- Lượt khách ngủ qua đêm	"	77.969	57.804	884.302	109,77	123,23
+ Khách quốc tế	"	1.636	1.381	17.189	120,61	128,06
+ Khách trong nước	"	76.333	56.423	867.113	109,53	123,14
- Lượt khách trong ngày	"	85.692	61.032	954.791	99,26	115,29
2. Ngày khách phục vụ	Ngày khách	156.463	119.952	1.824.224	105,94	121,82
- Khách quốc tế	"	4.840	4.080	50.948	132,00	123,95
- Khách trong nước	"	151.623	115.872	1.773.276	105,21	121,76
II. Dịch vụ lữ hành và hoạt động hỗ trợ du lịch						
1. Lượt khách du lịch theo tour	Lượt khách	1.080	965	20.750	101,58	130,22
- Lượt khách quốc tế	"	115	100	1.613	105,26	128,32
- Lượt khách trong nước	"	905	815	18.202	100,62	129,86
- Lượt khách VN ra NN	"	60	50	935	111,11	141,67
2. Ngày khách du lịch theo tour	Ngày khách	3.160	2.765	60.708	103,95	130,91
- Ngày khách quốc tế	"	345	300	4.729	111,11	125,67
- Ngày khách VN đi trong nước	"	2.605	2.280	52.165	101,42	129,88
- Ngày khách VN ra NN	"	210	185	3.814	130,28	155,91

11. Chỉ số giá tiêu dùng, chỉ số giá vàng và chỉ số giá Đô la Mỹ

(Kèm theo Báo cáo số: 97/BC-TKT ngày 31/10/2025)

Đơn vị tính: %

	Chỉ số giá tháng 10 năm 2025 so với:				Chỉ số giá bình quân so với cùng kỳ năm trước
	Kỳ gốc năm 2019	Cùng kỳ năm trước	Tháng 12 năm trước	Tháng trước	
CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG CHUNG	116,82	100,74	100,17	100,15	103,44
Hàng ăn và dịch vụ ăn uống	122,48	100,24	100,18	100,70	102,80
<i>Trong đó:</i>					
<i>Lương thực</i>	<i>133,07</i>	<i>96,72</i>	<i>95,80</i>	<i>100,56</i>	<i>99,45</i>
<i>Thực phẩm</i>	<i>120,78</i>	<i>100,20</i>	<i>100,29</i>	<i>100,84</i>	<i>102,29</i>
<i>Ăn uống ngoài gia đình</i>	<i>123,10</i>	<i>103,01</i>	<i>102,90</i>	<i>100,16</i>	<i>107,62</i>
Đồ uống và thuốc lá	119,75	102,75	102,72	100,14	104,33
May mặc, giày dép và mũ nón	112,73	98,21	98,29	100,16	100,14
Nhà ở và vật liệu xây dựng	124,08	99,64	95,77	99,82	110,50
Thiết bị và đồ dùng gia đình	106,15	100,90	100,68	100,02	101,25
Thuốc và dịch vụ y tế	123,86	112,07	112,14	100,00	112,31
<i>58/ Dịch vụ y tế</i>	<i>131,10</i>	<i>115,93</i>	<i>115,93</i>	<i>100,00</i>	<i>115,93</i>
Giao thông	101,75	98,01	98,96	99,16	95,91
Bưu chính viễn thông	97,29	99,99	99,99	100,00	100,10
Giáo dục	123,20	100,57	100,57	100,30	100,82
<i>69/ Dịch vụ giáo dục</i>	<i>122,91</i>	<i>100,34</i>	<i>100,34</i>	<i>100,34</i>	<i>100,34</i>
Văn hoá, giải trí và du lịch	109,92	99,93	100,01	100,05	101,48
Hàng hóa và dịch vụ khác	119,52	101,70	101,43	100,11	104,34
CHỈ SỐ GIÁ VÀNG	351,81	162,07	162,26	119,33	141,40
CHỈ SỐ GIÁ ĐÔ LA MỸ	118,76	106,71	103,88	100,02	107,36

12. Doanh thu vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải*(Kèm theo Báo cáo số: 97/BC-TKT ngày 31/10/2025)*

	Ước tính tháng 10 năm 2025 (Tỷ đồng)	Cộng dồn 10 tháng năm 2025 (Tỷ đồng)	Tháng 10 năm 2025 so với tháng trước (%)	Tháng 10 năm 2025 so với cùng kỳ năm trước (%)	10 tháng năm 2025 so với cùng kỳ năm trước (%)
Tổng số	872,36	8.177,35	100,66	123,02	115,51
Vận tải hành khách	144,71	1.420,83	100,75	127,77	116,20
Đường bộ	144,67	1.420,37	100,75	127,79	116,21
Đường sắt	-	-	-	-	-
Đường biển	-	-	-	-	-
Đường thủy nội địa	0,04	0,46	103,33	80,00	85,44
Đường hàng không	-	-	-	-	-
Vận tải hàng hóa	538,64	5.078,98	100,44	119,00	115,11
Đường bộ	538,64	5.078,91	100,44	119,01	115,12
Đường sắt	-	-	-	-	-
Đường biển	-	-	-	-	-
Đường thủy nội địa	0,005	0,07	101,67	29,77	12,53
Đường hàng không	-	-	-	-	-
Dịch vụ hỗ trợ vận tải	180,52	1.605,49	101,24	131,13	115,26
Bưu chính chuyển phát	8,50	72,05	100,97	152,94	139,78

13. Vận tải hành khách và hàng hoá

(Kèm theo Báo cáo số: 97/BC-TKT ngày 31/10/2025)

	Ước tính tháng 10 năm 2025	Cộng dồn 10 tháng năm 2025	Tháng 10 năm 2025 so với tháng trước (%)	Tháng 10 năm 2025 so với cùng kỳ năm trước (%)	10 tháng năm 2025 so với cùng kỳ năm trước (%)
A. HÀNH KHÁCH					
I. Vận chuyển (Nghìn HK)	1.458,90	14.260,17	100,66	111,39	116,45
Đường bộ	1.450,71	14.160,09	100,66	111,58	116,67
Đường sắt	-	-	-	-	-
Đường biển	-	-	-	-	-
Đường thủy nội địa	8,19	100,08	101,17	84,66	91,36
Hàng không	-	-	-	-	-
II. Luân chuyển (Triệu HK.k)	264,25	2.582,58	100,75	114,44	113,61
Đường bộ	264,24	2.582,47	100,75	114,44	113,61
Đường sắt	-	-	-	-	-
Đường biển	-	-	-	-	-
Đường thủy nội địa	0,01	0,12	101,55	80,26	91,17
Hàng không	-	-	-	-	-
B. HÀNG HÓA					
I. Vận chuyển (Nghìn tấn)	5.563,46	53.446,86	100,18	119,16	122,30
Đường bộ	5.563,41	53.446,14	100,18	119,16	122,31
Đường sắt	-	-	-	-	-
Đường biển	-	-	-	-	-
Đường thủy nội địa	0,05	0,72	102,08	56,32	11,45
Hàng không	-	-	-	-	-
II. Luân chuyển (Triệu tấn.k)	178,46	1.721,72	100,17	117,61	122,99
Đường bộ	178,46	1.721,70	100,17	117,62	123,00
Đường sắt	-	-	-	-	-
Đường biển	-	-	-	-	-
Đường thủy nội địa	0,001	0,02	101,67	42,74	9,93
Hàng không	-	-	-	-	-

14. Xuất, nhập khẩu hàng hóa*(Kèm theo Báo cáo số: 97/BC-TKT ngày 31/10/2025)*

	Ước tính tháng 10 năm 2025 (Triệu USD)	Cộng dồn 10 tháng năm 2025 (Triệu USD)	Tháng 10 năm 2025 so với tháng trước (%)	Tháng 10 năm 2025 so với cùng kỳ năm trước (%)	10 tháng năm 2025 so với cùng kỳ năm trước (%)
Trị giá Xuất khẩu	150,55	1.384,69	109,99	88,81	73,47
<i>Một số mặt hàng xuất khẩu</i>					
Chè	0,50	4,40	125,00	76,92	94,02
Dăm gỗ	4,00	47,67	165,98	53,19	87,21
Hàng dệt và may mặc	4,00	39,20	119,40	180,18	169,33
Xơ, sợi dệt các loại	2,00	11,57	136,05	250,00	201,57
Thép, phôi thép	95,50	1.110,17	126,62	64,43	66,50
- Xuất khẩu từ FHS	100,10	1.150,73	130,94	65,33	66,20
Trị giá Nhập khẩu	214,74	2.286,93	102,68	92,59	73,93
- Nhập khẩu từ Formosa	149,72	1.638,42	107,40	98,98	72,01

15. Trật tự, an toàn xã hội*(Kèm theo Báo cáo số: 97/BC-TKT ngày 31/10/2025)*

	Đơn vị tính	Sơ bộ tháng 10 năm 2025	Cộng dồn 10 tháng năm 2025	Tháng 10 năm 2025 so với tháng trước (%)	Tháng 10 năm 2025 so với cùng kỳ năm trước (%)	10 tháng năm 2025 so với cùng kỳ năm trước (%)
Tai nạn giao thông						
Tổng số vụ tai nạn giao thông	Vụ	29	286	116,00	100,00	81,71
Đường bộ	"	29	284	116,00	100,00	81,84
Đường sắt	"	-	2	-	-	66,67
Đường thủy	"	-	-	-	-	-
Số người chết	Người	16	197	106,67	76,19	101,55
Đường bộ	"	16	197	106,67	76,19	102,07
Đường sắt	"	-	-	-	-	-
Đường thủy	"	-	-	-	-	-
Số người bị thương	Người	22	171	137,50	169,23	80,66
Đường bộ	"	22	170	137,50	169,23	80,57
Đường sắt	"	-	1	-	-	100,00
Đường thủy	"	-	-	-	-	-
Cháy, nổ						
Số vụ cháy, nổ	Vụ	9	70	112,50	100,00	94,59
Số người chết	Người	-	-	-	-	-
Số người bị thương	"	1	3	-	-	-
Tổng giá trị tài sản thiệt hại	Tr.đồng	60,00	1.620,00	246,91	43,08	220,04